TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DS-ST
Ngày 28-03-2023
V/v: "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Ngọc Biên.

2. Bà Đinh Thị Thu Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 75/2022/TLST-DS ngày 14/10/2022 về việc "Thực hiện nghĩa vụ trả tiền", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-DS ngày 01/02/2023; quyết định hoãn phiên tòa số 01A/QĐST - DS ngày 17 tháng 02 năm 2023 và thông báo thay đổi lịch phiên tòa ngày 09/03/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Dương Thị Q, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.(có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Đức M, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Dương Thị Q trình bày:* Chị làm đại lý bán nguyên vật liệu nhôm, kính, sắt, inox các loại nên có quen biết với anh Hoàng Đức M, sinh năm 1983 ở thôn L, xã H, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Từ năm 2016 anh M có mua mặt hàng inox của chị và còn nợ chị tiền hàng tổng cộng 16.440.000 đồng. Chị đã đòi anh M

rất nhiều lần nhưng anh M không trả cho chị. Khoảng cuối tháng 01/2022, anh M có đến nhà chị gặp chị ở cửa hàng và xin khất nợ. Anh M có lấy 01 tờ hóa đơn bán hàng của cửa hàng chị và tự ghi nội dung "Hoàng Đức M H, Yên Dũng, Bắc Giang có nợ của anh chị Ngọc Sơn số tiền 16.444.000 đồng. Nay hẹn anh chị đến 10/02/2022 gửi anh chị. Nếu ko chả chịu lãi suất 1% từ ngày nợ trên một tháng 0382502811" sau đó đưa cho chị giữ. Toàn bộ nội dung nhận và hẹn trả tiền hàng nêu trên là chữ viết của anh M, anh M tự viết nhưng không ký và ghi rõ họ tên. Do cửa hàng của chị lấy tên biển là Ngọc Sơn nên anh M mới ghi là "có nợ của anh chị Ngọc Sơn số tiền 16.440.000". Anh M ghi như vậy chính là nợ tiền hàng của chị.

Đến hạn trả ngày 10/02/2022 anh M vẫn không trả tiền cho chị, chị có gọi điện đòi nợ thì anh M khất nợ đến 20/02/2022 (âm lịch) sẽ trả cho chị. Do vậy, chị có ghi lại vào hóa đơn bán hàng chữ mực đen nội dung "Hẹn 20/2/22 âm", chữ đó là do chị viết thêm vào giấy hóa đơn bán hàng lúc trước anh M viết khất nợ chị.

Đến ngày 20/2/2022 âm lịch anh M vẫn không trả được tiền hàng cho chị. Từ đó đến nay chị đã đòi rất nhiều lần nhưng anh M không trả. Chị xác định khoản tiền hàng này là của mình anh M mua hàng và nợ tiền hàng chị, không liên quan gì đến vợ, con và gia đình anh M. Do vậy, nay chị khởi kiện yêu cầu anh Hoàng Đức M trả cho chị số tiền hàng còn nợ từ năm 2016 đến nay là 16.440.000 đồng. Về tiền lãi chị không yêu cầu anh M phải trả.

Bị đơn anh Hoàng Đức M trình bày: Anh làm thợ cơ khí, nên từ năm 2016 anh đã nhiều lần mua sắt Inox ở cửa hàng vật liệu của chị Dương Thị Q ở tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Sau nhiều lần mua hàng đến tháng 01/2022 âm lịch anh với chị Q đã chốt nợ với nhau. Anh xác định còn nợ tiền mua hàng của chị Q với tổng số tiền là 16.440.000 đồng. Sau khi hai bên chốt số tiền còn nợ với nhau xong, anh đã viết một giấy nhận nợ và hẹn đến ngày 10/02/2022 âm lịch sẽ trả cho chị Q tiền, nếu không anh sẽ chịu lãi xuất 01%/01 tháng kể từ ngày nợ. Anh thừa nhận chữ viết trên tờ giấy nhận nợ mà chị Q cung cấp cho Tòa án là chữ viết của anh, anh tự viết, nhưng anh không ký

tên. Tuy nhiên đến hẹn trả nợ, anh vẫn không trả được tiền cho chị Q tiền và kể từ đó đến nay anh cũng chưa trả cho chị Q được đồng nào. Nay, chị Q khởi kiện yêu cầu anh phải trả chị Q tổng số tiền nợ gốc là 16.440.000 đồng anh không đồng ý, anh chỉ đồng ý trả chị Q 8.440.000 đồng. Lý do là từ năm 2016 đến năm 2020 anh đã trả cho chị Q 04 lần với tổng số tiền là 8.000.000 đồng rồi, đều trả bằng tiền mặt. Khi trả tiền cho chị Q, anh đều không viết giấy tờ gì, mà anh chỉ ghi vào sổ theo dõi trừ nợ của anh.

Theo anh thì đến thời điểm viết giấy chốt nợ với chị Q (tháng 01/2022 âm lịch) thì anh chỉ còn nợ chị Q 8.440.000 đồng. Hôm chốt nợ anh có nói với chị Q là anh đã trả cho chị 04 lần tiền rồi, nhưng chị Q bảo với anh là cứ ghi còn nợ là 16.440.000 đồng vào giấy, lúc nào chị Q mở sổ ra xem, nếu đã trả thì chị Q sẽ trừ đi cho, nên tháng 01/2022 âm lịch anh đã chốt và ghi còn nợ chị Q với số tiền là 16.440.000 đồng, thực chất anh chỉ còn nợ 8.440.000 đồng thôi.

Tòa án yêu cầu anh cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh anh đã trả được chị Q 8000.000 đồng, đến tháng 01/2022 âm lịch anh chỉ còn nợ lại chị Q là 8.440.000 đồng, anh không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc đó.

Về số nợ tiền hàng này là tiền làm ăn cá nhân của anh, không liên quan đến vợ con anh, anh không sử dụng vào mục đích gia đình nên đề nghị không đưa vợ anh vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Chị yêu cầu anh Hoàng Đức M trả cho chị số tiền hàng còn nợ từ năm 2016 đến nay là 16.440.000 đồng. Về tiền lãi chị không yêu cầu anh M phải trả. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 280, 385, 429, Điều 466, 470 Bộ luật dân sự xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Q. Buộc anh anh Hoàng Đức M phải có nghĩa vụ trả chị Dương Thị Q số tiền 16.440.000 đồng.

Án phí: Anh Hoàng Đức M phải chịu 822.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Dương Thị Q số tiền tạm ứng án phí đã ộp.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng và áp dụng pháp luật:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng Đức M theo quy định.

[1.2] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Giao dịch giữa các bên về bản chất là việc mua bán hàng hoá, bên nguyên đơn có trách nhiệm cung cấp hàng hoá (nguyên vật liệu nhôm, kính, sắt, inox các loại), bên bị đơn có trách nhiệm trả tiền mua hàng hoá. Tuy nhiên bên bị đơn không có tiền trả tiền hàng nên kể từ cuối tháng 01 năm 2022 âm lịch các bên đã quyết định, định đoạt chuyển sang dạng hẹn trả nợ, giấy do chị Dương Thị Q cung cấp thể hiện: Hoàng Đức M H, Yên Dũng có nợ của anh chị Ngọc sơn số tiền 16.440.000 đồng nay hẹn anh chị đến 10/02/2022 gửi anh chị, nếu không sẽ trả lãi suất 1% từ ngày nợ/tháng. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp giao dịch dân sự về thực hiện nghĩa vụ trả tiền được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do các bên đương sự đều cư trú trên địa bàn huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[2]. Nội dung vụ án:

Từ năm 2016 anh M có mua mặt hàng inox của đại lý kinh doanh vật liệu xây dựng do chị Dương Thị Q làm chủ hộ kinh doanh quản lý và còn nợ chị tiền hàng tổng cộng 16.440.000 đồng. Chị đã đòi anh M rất nhiều lần nhưng anh M không trả cho chị. Khoảng cuối tháng 01/2022 âm lịch, anh M có đến gặp chị ở cửa hàng và xin khất nợ. Anh M có lấy 01 tờ hóa đơn bán hàng của cửa hàng chị và tự ghi nội dung: "Hoàng Đức M H, Yên Dũng, Bắc Giang có nợ của anh chị Ngọc Sơn số tiền 16.444.000 đồng. Nay hẹn anh chị đến 10/02/2022 gửi anh chị. Nếu ko chả chịu lãi suất 1% từ ngày nợ trên một tháng 0382502811" sau đó đưa cho chị giữ. Toàn bộ nội dung nhận và hẹn trả tiền hàng nêu trên là chữ viết của anh M, anh M tự viết nhưng không ký và ghi rõ họ tên. Do cửa hàng của chị lấy tên biển là Ngọc Sơn nên anh M mới ghi là "có nợ của anh chị Ngọc Sơn số tiền 16.440.000 đồng". Anh M ghi như vậy chính là nợ tiền hàng của chị. Đến hạn trả ngày 10/02/2022 anh M vẫn không trả tiền cho chị, chị có gọi điện thì anh M khất nợ chị đến 20/02/2022 (âm lịch) sẽ trả cho chị nên chị có ghi lại vào hóa đơn bán hàng chữ mực đen nội dung "Hẹn 20/2/22 âm". Đến ngày 20/2/2022 âm lịch anh M vẫn không trả được tiền hàng cho chị. Từ đó đến nay chị đã đòi nhiều lần anh M không trả. Nay, chị khởi kiện yêu cầu anh Hoàng Đức M phải

trả cho chị số tiền hàng còn nợ là 16.440.000 đồng. Về tiền lãi chị không yêu cầu anh M phải trả.

Phía anh M cũng thừa nhận có mua hàng của chị Q và có viết giấy hẹn trả nợ như chị Q trình bày là đúng, anh có nợ chị Q 16.440.000 đồng. Do vậy, chứng cứ này không phải chứng minh và không xem xét đến việc mua bán hàng hoá trước đó của các bên. Tuy nhiên, anh M cho rằng kể từ năm 2016 đến năm 2020 anh đã trả cho chị Q 04 lần với tổng số tiền là 8.000.000 đồng. Khi trả tiền cho chị Q anh đều không viết giấy tờ gì, mà anh chỉ ghi vào sổ theo dõi trừ nợ của anh. Đến thời điểm viết giấy chốt nợ thì anh chỉ còn nợ chị Q 8.440.000 đồng nhưng anh vẫn ghi còn nợ là 16.440.000 đồng vì chị Q có bảo anh là lúc nào chị Q mở sổ ra xem, nếu đã trả thì chị Q sẽ trừ đi.

Đến nay chị Q không thừa nhận việc này, theo giấy chốt nợ anh M viết còn nợ vẫn là 16.440.000 đồng. Tòa án có ra quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, yêu cầu anh M cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh đến khi chốt nợ anh đã trả được chị Q 8000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 8.440.000 đồng, tuy nhiên đến nay anh M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc đó.

Do vậy, việc anh M trình bày còn nợ chị Q 16.440.000 đồng tiền hàng và đã trả được 8000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 8.440.000 đồng là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị Q đối với anh Hoàng Đức M, buộc anh M phải trả chị Q 16.440.000đ đồng tiền nợ gốc.

[3]. Đối với yêu cầu tính lãi: Chị Q không yêu cầu anh M phải trả lãi nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của chị Q được chấp nhận, nên anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Trả lại tiền tạm ứng án phí chị Minh đã đóng cho chị Minh.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 385, Điều 429, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Q: Buộc anh Hoàng Đức M phải trả cho chị Dương Thị Q số tiền nợ gốc là 16.440.000đ *(Mười sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).*

2.Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3.Về án phí: Anh Hoàng Đức M phải chịu 822.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị Dương Thị Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 400.000 đồng theo biên lai thu số 0009719 ngày 14/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng.

4.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về Hướng dẫn thi hành án*:* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND huyện Yên Dũng;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Anh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tin – Thân Thị Lụa **Nguyễn Thị Anh**

Nơi nhận:
- TAND huyện Yên Dũng;
- VKSND huyện Yên Dũng;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

Nguyễn Thị Anh